

MỤC LỤC

Chuyên mục: THÔNG TIN & TRAO ĐỔI

Nguyễn Mạnh Chung - Quan điểm của Đảng về phát triển kinh tế biển trong thời kỳ đổi mới.....2

Trịnh Hữu Hùng, Dương Thanh Tình - Chi sự nghiệp môi trường tại tỉnh Bắc Ninh8

Chuyên mục: KINH TẾ & QUẢN LÝ

Bùi Thị Tuyết Nhung, Nông Thị Minh Ngọc - Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ hành chính công cấp huyện - Mô hình nghiên cứu cụ thể tại huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ 15

Nguyễn Thị Gấm, Tạ Thị Thanh Huyền, Lương Thị A Lúa, Lê Thu Hà - Vai trò của phụ nữ dân tộc Tày ở huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn trong các quyết định của hộ.....20

Nguyễn Bích Hồng, Phạm Thị Hồng - Hiệu quả kinh tế của sản xuất hồng không hạt theo tiêu chuẩn VietGap tại huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn26

Phạm Thị Mai Hương, Nguyễn Thành Vũ - Ảnh hưởng của đặc điểm hộ đến chuyển dịch lao động nông thôn nghiên cứu điển hình tại huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên35

Nguyễn Ngọc Hoa, Lê Thị Thu Huyền - Ảnh hưởng của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới bất bình đẳng thu nhập nông thôn - Thành thị tại Việt Nam42

Chuyên mục: QUẢN TRỊ KINH DOANH & MARKETING

Đoàn Mạnh Hồng, Phạm Thị Ngà - Nghiên cứu sự hài lòng của sinh viên Đại học Thái Nguyên về dịch vụ hỗ trợ48

Đàm Thanh Thủy, Mai Thanh Giang - Thực trạng lao động tại các doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên54

Mohammad Heydari, Zheng Yuxi, Kim Keung Lai, Zhou Xiaohu - Đánh giá những nhân tố ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa phong cách lãnh đạo và sự hài lòng trong công việc dựa trên phân tích nhân tố.....62

Chuyên mục: TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

Nguyễn Thị Kim Nhung, Nguyễn Thanh Minh, Hoàng Văn Dư - Phát triển dịch vụ ngân hàng hiện đại tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên.....81

Chu Thị Kim Ngân, Nguyễn Thị Ngọc Uyên - Phát triển dịch vụ ngân hàng điện tử tại các chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, tỉnh Bắc Ninh88

Bùi Thị Ngân, Nguyễn Thị Linh Trang - Ứng dụng lý thuyết M&M trong quyết định cơ cấu vốn tại Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin.....95

CHI SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG TẠI TỈNH BẮC NINH

Trịnh Hữu Hùng¹, Dương Thanh Tĩnh²

Tóm tắt

Bài báo đánh giá thực trạng chi sự nghiệp môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh thông qua việc sử dụng nguồn số liệu thứ cấp từ Nghị quyết “Phê chuẩn quyết toán ngân sách tỉnh Bắc Ninh” của HĐND tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2013 - 2017. Với việc sử dụng các phương pháp: Thống kê mô tả, so sánh, chuyên gia, kết quả cho thấy chi sự nghiệp môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh thời gian qua còn một số tồn tại, hạn chế như: Mức chi còn thấp chưa đáp ứng yêu cầu thực tế, chính sách hỗ trợ hạn chế; nguồn chi còn hạn chế, chi sự nghiệp môi trường còn dàn trải, hiệu quả thấp; quản lý chi sự nghiệp môi trường còn yếu... Những giải pháp được đề xuất là gợi ý chính sách quan trọng với tỉnh Bắc Ninh trong việc tăng cường chi cũng như sử dụng hiệu quả chi sự nghiệp môi trường thời gian tới.

Từ khóa: Chi phí, sự nghiệp, môi trường.

ENVIRONMENTAL EXPENDITURES IN BAC NINH PROVINCES

Abstract

The paper aims to evaluate the current situation of environmental expenditures in Bac Ninh province over a period of 5 years from 2013 to 2017. This research employs secondary data of the decision namely “Approving the settlement of the budget of Bac Ninh province” by the People’s Council. With the use of methods like descriptive statistics, comparisons, experts interviews, the results indicate that there are several shortcomings of environmental expenditures such as lower expenditures in comparison with the actual requirements, limited expenditures sources, inefficient management, low efficiency, etc. The paper recommends effective implications for Bac Ninh province to enhance efficient usage of environmental expenditures in coming years.

Keywords: Expenditure, environment, implications.

JEL classification: Q; Q5

1. Đặt vấn đề

Những năm vừa qua, đặc biệt là sau hơn 20 năm tái lập tỉnh, tình hình kinh tế xã hội của Bắc Ninh đã thay đổi toàn diện, trở thành đô thị lớn có tốc độ tăng trưởng kinh tế luôn duy trì ở mức cao. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển kinh tế và quá trình đô thị hoá, vấn đề ô nhiễm môi trường đã và đang trở thành vấn đề nhức nhối đối với tỉnh Bắc Ninh.

Hiện nay, toàn tỉnh có 62 làng nghề, trong đó có 30 làng nghề truyền thống và 32 làng nghề mới. Cùng với 16 khu công nghiệp (KCN) tập trung đã được quy hoạch, trong đó 10 KCN đã đi vào hoạt động; có 25 cụm công nghiệp (CCN) được phê duyệt quy hoạch trong đó có 18 cụm đang hoạt động và 7 cụm đang xây dựng và triển khai. Hoạt động của các làng nghề, KCN, CCN trên địa bàn đang làm ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Đối với môi trường không khí: Kết quả quan trắc môi trường không khí tại các điểm trong các KCN, CCN cho thấy môi trường

không khí tại một số điểm có hàm lượng bụi vượt từ 1 – 2 lần quy chuẩn cho phép (QCCP); một số làng nghề như: Đồng Kỵ, Hương Mạc, Phong Khê, Văn Môn, Đại Bái, Quảng Bồ... có hàm lượng bụi vượt QCCP. Đối với môi trường nước ngầm: Trong số 18 mẫu nước dưới đất được lấy tại các giếng khai thác trong các KCN, CCN, làng nghề, khu đô thị và khu vực nông thôn năm 2018 có 10/15 mẫu có chỉ tiêu vượt QCCP, chủ yếu là các thông số amoni, Mn, Fe, vượt từ 1 – 3 lần. Đối với môi trường nước thải tại các CCN, có một số mẫu có chỉ tiêu vượt QCCP, chủ yếu là các chỉ tiêu BOD5, TSS, COD, Coliform, Tổng nitơ, Sulfua, Amoni; nước thải của các làng nghề chưa qua xử lý được thải ra các kênh mương, ao hồ nên ở các khu vực này nước thải ô nhiễm: Có 9/9 mẫu với các chỉ số COD, BOD5, BOD5, TSS, tổng nitơ, Sulfua, Amon vượt nhiều lần, đặc biệt tại các khu vực: Làng nghề giấy Phong Khê, thôn Tiên Trong,

Tiền Ngoài xã Khắc Niệm, làng nghề Đại Lâm, Văn Môn [4].

Để khắc phục và hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường trên địa bàn, thời gian qua Bắc Ninh luôn quan tâm dành nguồn kinh phí hợp lý cho chi sự nghiệp môi trường. Chi SNMT của tỉnh tăng lên hàng năm trong giai đoạn 2013 – 2017 và luôn cao hơn mức quy định tại “Thông tư liên tịch Bộ Tài chính - Bộ TN&MT số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30/3/2010 hướng dẫn thực hiện việc quản lý kinh phí SNMT” và “Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 1 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường”. Tuy nhiên, chi SNMT trên địa bàn tỉnh vẫn còn những tồn tại hạn chế như: mặc dù đã có sự quan tâm đầu tư kinh phí, song còn thấp, chưa thực sự đủ để đáp ứng cho nhu cầu đầu tư xây dựng công trình xử lý ô nhiễm môi trường; kinh phí đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường đã được tỉnh quan tâm nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế; nguồn chi hạn chế và phân bổ dàn trải; sử dụng còn mang tính chất “thái cực” và hiệu quả sử dụng thấp; công tác quản lý kinh phí SNMT còn yếu... Trên thực tế đã có nhiều công trình nghiên cứu về bảo vệ môi trường, chi sự nghiệp môi trường, nhưng chưa có công trình nào nghiên cứu riêng về chi SNMT tại tỉnh Bắc Ninh, đặc biệt là trong giai đoạn 2013 - 2017. Xuất phát từ thực tế trên, việc đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường chi SNMT trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh là hết sức cần thiết.

2. Nguồn số liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Nguồn số liệu

Bài báo sử dụng nguồn số liệu thứ cấp lấy từ Nghị quyết “Phê chuẩn quyết toán ngân sách tỉnh Bắc Ninh” của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2013 – 2017.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện với việc sử dụng các phương pháp gồm:

Phương pháp thống kê mô tả: Sử dụng phương pháp này để mô tả, phân tích và đánh giá thực trạng chi SNMT trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Phương pháp so sánh: Sử dụng phương pháp này để so sánh chi SNMT trên địa bàn tỉnh Bắc

Ninh qua các năm trong giai đoạn 2013 – 2017.

Phương pháp chuyên gia: Phương pháp này được sử dụng thông qua trao đổi, tham vấn ý kiến các chuyên gia (nhà khoa học, nhà quản lý) về thực trạng chi SNMT trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2013 – 2017, thấy được những tồn tại hạn chế đồng thời đề xuất các giải pháp tăng cường và nâng cao hiệu quả chi SNMT trên địa bàn tỉnh thời gian tới.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Quy mô và cơ cấu nguồn vốn thực hiện chi SNMT tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2013 - 2017

Chi SNMT trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh căn cứ theo Thông tư liên tịch Bộ Tài chính và Bộ TN&MT số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30/3/2010 “Hướng dẫn thực hiện việc quản lý KPSNMT” và Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 1 năm 2017 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường” thì việc thực hiện chi SNMT căn cứ theo phân cấp nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường là ngân sách trung ương và ngân sách địa phương. Tại khoản 1, điều 3 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 1 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định: “Ngân sách trung ương (bao gồm nguồn trong nước, nguồn ngoài nước) bảo đảm kinh phí chi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường do các Bộ, cơ quan trung ương thực hiện; Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí chi nhiệm vụ bảo vệ môi trường do các cơ quan, đơn vị ở địa phương thực hiện theo phân cấp”.

Việc phân bổ và sử dụng nguồn kinh phí dành cho sự nghiệp bảo vệ môi trường: Hàng năm, căn cứ chỉ tiêu hướng dẫn của Bộ Tài chính, UBND tỉnh phân bổ dự toán ngân sách tối thiểu 1% dành cho sự nghiệp môi trường.

Kết quả chi sự nghiệp môi trường từ NSNN của tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2013 – 2017 được thể hiện tại bảng dưới đây:

Xét theo quy mô có thể thấy chi SNMT của Bắc Ninh tăng dần trong giai đoạn 2013 – 2017, nếu như năm 2013 chi SNMT chỉ là 100.666 tỷ đồng thì đến năm 2017 số chi này là 303.198 tỷ đồng (tăng 301,19% so với năm 2013). Sự gia tăng này căn cứ vào tình hình phát triển KTXH thời gian qua của tỉnh cũng như yêu cầu cấp thiết của việc bảo vệ môi trường do ô nhiễm (nguồn

nước, không khí, đất...) từ sự phát triển của các KCN, CCN và các làng nghề trên địa bàn [3].

Trong chi SNMT giai đoạn 2013 – 2017 của Bắc Ninh là 1.004.255 triệu đồng, trong đó chi từ ngân sách tỉnh là 402.360 triệu đồng (chiếm 40,07%), chi từ ngân sách huyện, xã là 598.327

triệu đồng (chiếm 59,58%) và chi SNMT trong chi CTMTQG là 3.568 triệu đồng (chiếm 0,36%). Xét tổng thể thì nguồn vốn thực hiện chi SNMT tại Bắc Ninh thời gian qua chủ yếu vẫn là từ ngân sách huyện, xã với trên dưới 60%.

Bảng 1: Quy mô và cơ cấu nguồn chi SNMT của tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2013 – 2017

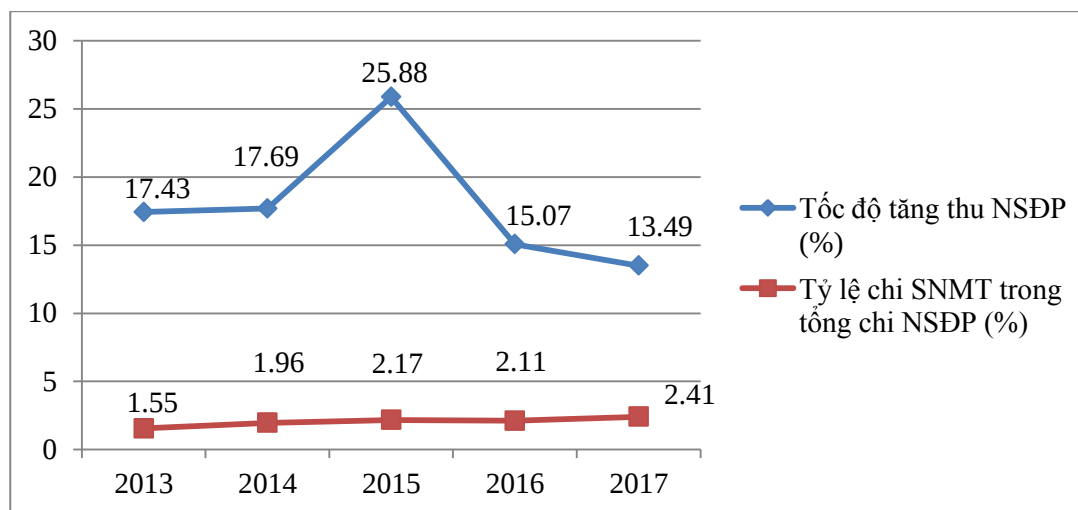
Năm	Tổng chi SNMT (tr.đ)	Cơ cấu nguồn vốn thực hiện chi SNMT				Chi SNMT trong chi CTMTQG (tr.đ)	Cơ cấu (%)
		Ngân sách tỉnh (tr.đ)	Cơ cấu (%)	Ngân sách huyện, xã (tr.đ)	Cơ cấu (%)		
2013	100.666	35.450	35,22	64.188	63,76	1.028	1,02
2014	144.720	60.828	42,03	82.012	56,67	1.880	1,30
2015	213.291	85.194	39,94	127.437	59,75	660	0,31
2016	242.380	96.516	39,82	145.864	60,18	0	0
2017	303.198	124.372	41,02	178.826	58,98	0	0
Tổng	1.004.255	402.360	40,07	598.327	59,58	3.568	0,36

Nguồn: HDND tỉnh Bắc Ninh, Phê chuẩn quyết toán NS tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2013 - 2017

Từ kết quả trên đây có thể thấy quy mô nguồn vốn thực hiện chi SNMT của Bắc Ninh thời gian qua vẫn còn thấp, chưa thực sự đủ để đáp ứng cho nhu cầu đầu tư xây dựng công trình xử lý ô nhiễm môi trường. Mặc dù thời gian qua tỉnh Bắc Ninh đã rất quan tâm tới việc bố trí nguồn vốn thực hiện chi SNMT nhằm tăng cường kinh phí đầu tư công tác bảo vệ môi trường nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế. Nhiều dự án về bảo vệ môi trường triển khai chậm. Việc phân bổ nguồn ngân sách sự nghiệp môi trường trong những năm qua chưa đúng trọng tâm, trọng điểm, các vấn đề môi trường bức xúc chưa được giải quyết kịp thời. Việc đề xuất giải pháp tháo gỡ nguồn ngân sách Nhà nước đầu tư cho các công trình xử lý ô nhiễm

môi trường nghiêm trọng, đặc biệt ô nhiễm làng nghề vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

Bên cạnh đó, mức chi từ NSNN hàng năm cho SNMT trên địa bàn tỉnh vẫn còn ít so với nhu cầu và thực tế. Tại khoản 1, điều 3 Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 1 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường quy định về kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường như sau: “Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí sự nghiệp môi trường không thấp hơn 1% tổng chi ngân sách nhà nước trong dự toán ngân sách hàng năm”. Cụ thể được thể hiện tại hình sau:



Hình 1. Tỷ lệ chi SNMT trong tổng chi NSDP tỉnh Bắc Ninh

Nguồn: HDND tỉnh Bắc Ninh, Phê chuẩn quyết toán NS tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2013 – 2017 và tính toán của tác giả

Tỷ lệ chi SNMT trong tổng chi NSDP tỉnh Bắc Ninh thời gian qua cho thấy quy định mức chi không dưới 1% tổng chi NSNN cho hoạt động Sự nghiệp môi trường tuy đã được thực hiện và tăng dần hàng năm nhưng mức tăng này chưa tương xứng với mức tăng trưởng của nền kinh tế và với mức tăng huy động vào NSNN trên địa bàn tỉnh thời gian qua. So sánh mức độ chi SNMT so với tốc độ tăng trưởng kinh tế và sự gia tăng tổng thu NSNN của Bắc Ninh thời gian qua (tốc độ tăng thu bình quân giai đoạn 2013 – 2017 đạt 17,91%, trong khi tỷ lệ chi SNMT trong tổng chi NSDP bình quân chỉ là 2,1%) thì rõ ràng là không tương xứng không chỉ với tầm quan trọng của trụ cột môi trường trong phát triển bền vững của tỉnh mà còn cả với thực tế cải thiện kết quả tài chính trên địa bàn.

3.2. Tình hình sử dụng và quản lý nguồn vốn thực hiện chi SNMT

Có thể thấy, thời gian qua việc sử dụng và quản lý nguồn vốn thực hiện chi SNMT trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh còn mang tính chất dàn trải và hiệu quả sử dụng thấp

Việc sử dụng kinh phí ở một số địa phương còn dàn trải, chưa tập trung giải quyết các vấn đề môi trường bức xúc thuộc phạm vi địa phương quản lý. Một số địa phương lại tập trung chủ yếu cho quản lý chất thải, hầu hết các địa phương đã bố trí tới 80-90% tổng chi sự nghiệp môi trường cho thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt; dẫn tới không còn kinh phí để thực hiện các nội dung

quản lý và bảo vệ môi trường khác theo quy định như lập, thẩm định, phê duyệt dự án/nhiệm vụ BVMT; tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về BVMT; chi hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác BVMT cấp huyện, xã; chi hỗ trợ xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng...và cũng có không ít địa phương còn sử dụng kinh phí SNMT cho nhiệm vụ khác. Việc bố trí kinh phí SNMT như đã nêu dẫn đến hiệu quả sử dụng kinh phí chưa tốt, thậm chí còn lãng phí.

Các quy định tài chính hiện hành được sửa đổi vào năm 2010 (Thông tư liên tịch Bộ Tài chính - Bộ TN&MT số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30/3/2010 hướng dẫn việc quản lý KPSNMT) và mới đây đã được thay thế bởi Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 1 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường) tuy đã có những điều chỉnh, bổ sung, khắc phục những bất cập trước đó, nhưng hiện vẫn còn những vướng mắc, thông tư 02/2017/TT-BTC mới được triển khai chưa đánh giá hiệu quả và những bất cập. Tại Quyết định 238/QĐ-UBND ngày 23 tháng 05 năm 2017 Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành về việc áp dụng một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Quyết định này đã bổ sung thêm nhiều mục chi, nội dung chi cho công tác bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, một số nội dung chi, định mức, đơn giá chi thực hiện các nhiệm vụ BVMT

còn chưa phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương đã ảnh hưởng không tốt tới chất lượng thực hiện các dự án BVMT".

Vai trò của cơ quan quản lý môi trường trên địa bàn nhiều khi vẫn còn thụ động. Việc phân bổ, thực hiện nguồn chi ở nhiều địa phương chưa có sự tham gia của cơ quan chuyên môn thuộc Sở TN&MT, phòng TN&MT. Vai trò của cơ quan quản lý môi trường các cấp trong việc quản lý và sử dụng kinh phí SNMT chưa thể hiện đúng là cơ quan đầu mối và chịu trách nhiệm về chuyên môn như quy định, đặc biệt là sự tham gia của Sở TN&MT và Phòng TN&MT các huyện, thị, thành phố vào quy trình tổng hợp, cân đối trình UBND và HĐND cùng cấp ở nhiều địa phương còn mờ nhạt, dẫn đến kinh phí từ nguồn này còn dàn trải, một số nhiệm vụ chi không đúng, chưa đáp ứng được các nội dung ưu tiên về BVMT".

Bên cạnh đó, việc bảo vệ môi trường không chỉ là vấn đề của Nhà nước, mà là của toàn dân, toàn xã hội. Bởi vậy, việc đầu tư, giám sát, quản lý ngân sách trong lĩnh vực này phải có trách nhiệm của từng tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

3.3. Một số gợi ý giải pháp tăng cường và nâng cao chất lượng chi sự nghiệp môi trường tỉnh Bắc Ninh

Từ những tồn tại, hạn chế phân tích trên đây trên cho thấy, chi SNMT hiện nay của tỉnh Bắc Ninh ở trong tình trạng vừa thiếu (ít) về lượng, vừa kém hiệu quả trong sử dụng. Hai nhược điểm này là nhân quả của nhau. Do vậy, nhìn từ góc độ tài chính cho BVMT cần tăng cường chi gắn liền với sử dụng hợp lý, hiệu quả chi SNMT. Các giải pháp cụ thể sau đây:

Một là, Bắc Ninh cần tăng kinh phí, sao cho tương xứng bởi những lợi ích từ phát triển kinh tế với những hệ lụy về môi trường từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp mang lại. Tỷ lệ chi SNMT so với tổng chi NSDP của tỉnh mặc dù đã cao hơn so với mức tối thiểu quy định nhưng vẫn chưa tương xứng với sự phát triển kinh tế, với sự gia tăng nguồn thu NSNN trên địa bàn.

Hai là, về cơ bản và lâu dài, nguồn lực tài chính cho BVMT phải dựa vào đầu tư, đóng góp của những người khai thác, sử dụng môi trường

(doanh nghiệp, dân cư) nhưng trong bối cảnh cụ thể của đất nước và trong tầm nhìn trung và dài hạn (tới năm 2020), như đã trình bày, NSNN sẽ vẫn còn tiếp tục là nguồn tài chính chủ yếu cho BVMT.

Ba là, rà soát và trên cơ sở đó có những điều chỉnh cần thiết các quy định hiện nay về sử dụng kinh phí SNMT theo một số hướng như sau:

- Cùng với việc khắc phục tình trạng hiện nay là sử dụng kinh phí SNMT còn phân tán, dàn trải cũng như còn quá tập trung vào quản lý chất thải (như đã nói ở trên), cần rà soát và trên cơ sở đó có những điều chỉnh cần thiết các quy định hiện nay về sử dụng kinh phí này, có thể theo một số hướng chính sau:

- Phần kinh phí được tăng lên cần được tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm, các điểm nóng; hỗ trợ các nhiệm vụ BVMT mang tính chất tạo đà, mở đường để thu hút, huy động nguồn lực trong xã hội, tập trung trước hết vào:

- + Tăng cường năng lực hoạt động quan trắc môi trường, đặc biệt là quan trắc tự động;

- + Hỗ trợ các địa phương, đơn vị thực hiện các dự án BVMT đã được phê duyệt (các chương trình, dự án kèm theo Chiến lược, Quy hoạch, Kế hoạch BVMT);

- + Hỗ trợ xây dựng các văn bản quản lý môi trường; xây dựng các mô hình xử lý môi trường thí điểm và nhân rộng, hướng dẫn, chuyển giao công nghệ xử lý;

- + Hỗ trợ quản lý chất thải sinh hoạt (chất thải rắn, nước thải) ở các địa bàn có dân cư tập trung ở đô thị và nông thôn;

- + Khuyến khích hoạt động xử lý chất thải rắn nhằm giảm thiểu chôn lấp;

- + Bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học;

- + Hỗ trợ thành lập và tăng cường năng lực hoạt động các Quỹ BVMT ở địa phương.

- + Tăng cường năng lực quản lý môi trường địa phương.

Bốn là, bổ sung những nội dung chi cần thiết nhưng còn chưa được quy định; điều chỉnh những quy định tài chính không phù hợp với thực tiễn.

Năm là, tăng cường vai trò chủ động và phối hợp của các cơ quan quản lý môi trường trong lập dự toán, phân bổ và thanh quyết toán ngân sách

dành cho môi trường. Có thể điều chỉnh quy trình quản lý tài chính sao cho cơ quan quản lý môi trường (Sở TN&MT, Phòng TN&MT, các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở TN&MT ...) không chỉ làm nhiệm vụ tổng hợp dự toán chi sự nghiệp môi trường một cách hành chính thụ động mà tích cực và chủ động trong phân bổ KPSNMT hàng năm. Cụ thể là cùng với "hướng dẫn về chuyên môn, nhiệm vụ trọng tâm hoạt động BVMT" theo quy định cơ quan quản lý môi trường (Sở TN&MT, Phòng TN&MT, các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở TN&MT...) chủ động lên phương án phân bổ kinh phí tương ứng và cùng với cơ quan tài chính (Sở Tài chính, phòng TCKH) xem xét, điều chỉnh và sau khi thống nhất thì báo cáo UBND các cấp trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định phê duyệt.

Sáu là, Tính đến năm 2025 và xa hơn nữa, ở Bắc Ninh, do nhiều nguyên nhân, các vấn đề môi trường và BVMT vẫn sẽ còn tiếp tục "nóng", gia tăng cả về mức độ và cả về phạm vi, nguồn lực tài chính cho BVMT vẫn sẽ còn phải dựa nhiều vào chi tiêu và đầu tư của Nhà nước. Trong khi cần thiết tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư cho BVMT, cần tiếp tục nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn tài chính thì việc tăng nguồn chi sự nghiệp môi trường và gắn với nó là tăng hiệu quả sử dụng nguồn kinh phí này là tất yếu trên cả 2 phương diện: Nhu cầu và thực tiễn.

Bảy là, Tăng cường nguồn lực tài chính, đẩy nhanh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường; cụ thể như sau:

- Đa dạng hóa các nguồn lực trong toàn xã hội để bảo đảm cho công tác bảo vệ môi trường. Tăng cường đầu tư và sử dụng có hiệu quả nguồn đầu tư từ ngân sách Nhà nước.

- Đẩy mạnh việc chuyển giao, ứng dụng công nghệ tiên tiến về bảo vệ môi trường trong xử lý, tái chế chất thải; áp dụng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác thải.

- Đa dạng hóa các loại hình hoạt động, khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân, có cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế thực hiện các dịch vụ.

- Huy động các nguồn lực hỗ trợ cho hoạt động bảo vệ môi trường từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

- Tiếp tục thể chế hoá việc áp dụng công cụ kinh tế; nghiên cứu trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách hỗ trợ việc xử lý ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, cụm công nghiệp, các điểm dân cư nông thôn; triển khai thực hiện Quyết định số 595/2013/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của UBND tỉnh.

- Phân định rõ các nội dung chi từ ngân sách nhà nước cho các hoạt động sự nghiệp môi trường. Trên cơ sở đó hình thành mục chi ngân sách nhà nước riêng cho các hoạt động sự nghiệp môi trường, xây dựng kế hoạch thực hiện để bảo đảm tăng dần hàng năm theo tốc độ tăng trưởng kinh tế.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, biện pháp cụ thể để khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư cho bảo vệ môi trường.

- Hoàn thiện và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ vốn, ưu đãi, khuyến khích về thuế, các biện pháp trợ giá đối với hoạt động bảo vệ môi trường phù hợp với quy định.

Đẩy mạnh các hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Ninh. Phát huy hoạt động hiệu quả của Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh. Quỹ Môi trường hoạt động trên nguyên tắc vì lợi ích cộng đồng, tự bù đắp chi phí hoạt động, bảo toàn và phát triển vốn trên cơ sở đầu tư và hỗ trợ tài chính có hiệu quả.

4. Kết luận và gợi ý chính sách

Trong những năm qua, tỉnh Bắc Ninh luôn quan tâm tới công tác bảo vệ môi trường với việc dành nguồn chi cho SNMT tăng hằng năm. Kết quả này góp phần khắc phục và hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng có xu hướng gia tăng trên địa bàn. Tuy nhiên, từ kết quả phân tích trên đây cho thấy, việc thực hiện chi SNMT trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh thời gian qua vẫn còn một số tồn tại hạn chế như: Quy mô chi SNMT còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu thực tế công tác bảo vệ môi trường; tỷ lệ chi SNMT trong tổng chi NSDP của tỉnh còn thấp và chưa tương xứng với tốc độ tăng thu NSDP; việc sử dụng nguồn vốn thực hiện chi SNMT còn dàn

trải, thiếu trọng tâm trọng điểm; việc quản lý nguồn vốn thực hiện chi SNMT vẫn còn yếu... Với những tồn tại, hạn chế đó đang đặt ra cho tỉnh Bắc Ninh cần phải thực hiện nhiều giải pháp nhằm tăng cường và nâng cao chất lượng sử dụng nguồn kinh phí SNMT thời gian tới. Các giải pháp mà tác giả gợi ý trên đây là gợi ý chính sách quan trọng, hy vọng giúp tỉnh Bắc Ninh giải quyết bài toán khó khăn này.

Lời thừa nhận: Bài báo này là sản phẩm của đề tài KHCN cấp tỉnh Bắc Ninh năm 2018 với tên đề tài “*Nghiên cứu đánh giá công tác quản lý môi trường và định hướng giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý môi trường, góp phần phát triển bền vững tỉnh Bắc Ninh*”. Đề tài được thực hiện dựa trên hợp đồng giữa Văn phòng UBND tỉnh Bắc Ninh với Sở Khoa học & Công nghệ tỉnh Bắc Ninh. Mã số hợp đồng: 29/HĐ-2018.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Tài chính – Bộ Tài nguyên & Môi trường. (2010). *Thông tư liên tịch Bộ Tài chính - Bộ TN&MT số 45/2010/TTLT-BTC- BTNMT ngày 30/3/2010 hướng dẫn việc quản lý KPSNMT*.
- [2]. Bộ Tài chính. (2017). *Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 1 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường*.
- [3]. Hội đồng Nhân dân tỉnh Bắc Ninh. (2013, 2014, 2015, 2016, 2017). *Phê chuẩn quyết toán ngân sách tỉnh Bắc Ninh*.
- [4]. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh. (2013, 2014, 2015, 2016, 2017). *Báo cáo công tác bảo vệ môi trường*.
- [5]. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh. (2017). *Quyết định 238/QĐ-UBND ngày 23 tháng 05 năm 2017 Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành về việc áp dụng một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh*.

Thông tin tác giả:

1. Trịnh Hữu Hùng

- Đơn vị công tác: Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh

2. Dương Thanh Tình

- Đơn vị công tác: Trường ĐH Kinh tế & QTKD

- Địa chỉ email: thanhtinhueba@gmail.com

Ngày nhận bài: 01/2/2019

Ngày nhận bản sửa: 15/3/2019

Ngày duyệt đăng: 29/3/2019